

Bản án số: **13/2022/HC-ST**

Ngày: 12/4/2022

*Về việc “Khởi kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
về thu hồi, bồi thường”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm và ông Nguyễn Ngọc Uyên;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 56/2020/TLST-HC ngày 18 tháng 12 năm 2020 về “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về thu hồi, bồi thường*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2002/QĐST-HC ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã Đông H và Chủ tịch UBND thị xã Đông H: Ông Huỳnh Nguyễn Ngọc Gi1 – Phó Chủ tịch UBND thị xã Đông H (Giấy ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 13/01/2022); Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã Đông H và Chủ tịch UBND thị xã Đông H: Ông Huỳnh Tấn Ph1, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND phường Hòa Hiệp Tr;

- Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường và UBND phường Hòa Hiệp Tr: Ông Nguyễn Thanh Ph2 – Phó Chủ tịch UBND phường Hòa Hiệp Tr và ông Lê Quang D1 – Công chức địa chính phường Hòa Hiệp Tr; Có mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên:

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn T1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

- Hạt kiểm lâm thị xã Đông H; Vắng mặt.

- Vợ chồng ông Trần Ngọc M1, sinh năm 1976 và bà Đinh Thị Nh1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- Ông Phạm Ngọc S1, sinh năm 1955; Có mặt

- Ông Lê T2 (Lê Văn T2), sinh năm 1950; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên;

- *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ* của ông Lê Th1 (chết) có vợ và các con, gồm:

+ Bà Hồ Thị Nh2, sinh năm 1949 (vợ ông Th1); Có mặt

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1970 (người khởi kiện); Có mặt

+ Bà Lê Thị A1, sinh năm 1968; Vắng mặt

+ Bà Lê Thị T3, sinh năm 1972; Có mặt

+ Bà Lê Thị D2, sinh năm 1974; Có mặt

+ Ông Lê Văn C1, sinh năm 1976; Có mặt

+ Ông Lê Văn C2, sinh năm 1979; Có mặt

+ Bà Lê Thị Ch1, sinh năm 1981; Có mặt

+ Bà Lê Thị D3, sinh năm 1983; Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Lê Quốc D4, sinh năm 1987; Có mặt

Địa chỉ: Số 19 đường An H 3, phường An Hải B, quận Sơn Tr, thành phố Đà Nẵng.

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn Th2, sinh năm 1957; Có mặt

- Ông Võ Hồng Th3, sinh năm 1955; Vắng mặt

- Ông Lê Đức T4, sinh năm 1955; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Lê Văn T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 1.070m² tọa lạc tại Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên gia đình ông Lê Th1 (cha ông T) canh tác từ năm 1995, trong đó UBND huyện Tuy H giao 770m² để trồng cây dương, thời hạn sử dụng 50 năm (theo Quyết định số

537/UBND ngày 12/12/1995) và khoảng 300m² là do gia đình ông khai hoang. Phần diện tích đất khai hoang thì gia đình ông có khai báo tại thôn Phú Th 1 (nay là khu phố Phú Th 1) có xác nhận của Trưởng thôn ông Lê Đức T4, Bí thư Chi bộ thôn và ông Võ Hồng Th3; những người Hội làm vườn và các hộ dân canh tác khu vực đất tại Phú Th 1 đều biết.

Diện tích đất của ông Trần Ngọc M1 và diện tích 300m² gia đình ông Lê Th1 khai hoang là hai thửa đất khác nhau, có vị trí khác nhau, diện tích đất khai hoang ông Lê Th1 có thực hiện kê khai, đăng ký theo quy định pháp luật hay không thì ông T không rõ.

UBND huyện Đông H đã bồi thường cây trồng (cây Điều) trên diện tích đất 770m² cho gia đình ông Lê Văn T, nhưng không bồi thường đất.

Ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H về trả lời đơn ông Lê Văn T; Lập thủ tục thu hồi, bồi thường diện tích đất khai hoang 300m² theo quy định pháp luật; lập thủ tục bồi thường đất diện tích đất được giao theo sổ Lâm bạ 770m² và hủy các quyết định hành chính khác có liên quan đến diện tích đất ông đang khởi kiện.

Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thị xã Đông H, Chủ tịch UBND thị xã Đông H trình bày: Năm 2011, thực hiện Dự án khu tái định cư phục vụ Tiểu dự án 3- Đường từ Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 đến Bắc Cầu Đà N thuộc dự án Hạ tầng đô thị Nam thành phố Tuy H-Vũng R. UBND huyện (nay là thị xã) Đông H tiến hành thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ ông Lê Th1 (cha của ông Lê Văn T) được bồi thường tài sản (cây trồng) trên thửa đất số 294, tờ bản đồ số 19A, thuộc thửa trích đo số 51, xã Hòa Hiệp Tr, huyện Đông H (nay là phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H), không được bồi thường về đất. Vì diện tích đất này là đất rừng phòng hộ.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, phần diện tích 975,5m² đất thuộc một phần thửa 145, tờ bản đồ 19-A (828,8m²), một phần thửa 146, tờ bản đồ số 19-A (100m²) và một phần đất giao thông (46,7m²).

Theo bản đồ đo đạc năm 2009, phần 975,5m² đất thuộc một phần thửa 39, tờ bản đồ số 14, tên chủ sử dụng đất Trần Hữu Tài.

Theo bản trích đo bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 27/TĐBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Tứ Th lập ngày 20/9/2011, được Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận ngày 10/8/2012, phần 975,5m² thuộc một phần thửa 48 (385,8m²), một phần thửa 49 (215,7m²), một phần thửa 94 (153,1m²) và một phần thửa 95 (220,9m²).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chủ tịch UBND phường Hòa Hiệp Tr và UBND phường Hòa Hiệp Tr trình bày: Giữ nguyên nội dung Công Văn số 388/UBND ngày 01/4/2021 (BL 126) của UBND phường Hòa Hiệp Tr, thống nhất ý kiến của UBND thị xã Đông H.

+Trung tâm phát triển quỹ đất; Phòng Tài nguyên và Môi trường trình bày:
Theo quyết định giao đất lâm nghiệp số 540 ngày 12/12/1995 của UBND huyện Tuy H cũ (nay là thị xã Đông H) giao đất cho ông Lê Th1 diện tích 770m² để trồng cây phi lao, kèm theo bản đồ giao đất lâm nghiệp tại vị trí Lô số 14, theo bản trích đo bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 27 tỷ lệ 1/1000 dự án khu tái định cư thuộc dự án 3 do Công ty TNHH Tứ Th lập ngày 20/9/2011 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt vào ngày 10/8/2012 là trùng với thửa trích đo số 51, diện tích 770m², vị trí đất ông Lê Th1 đang sử dụng và trồng cây. Ông Lê Văn T là người đại diện kê khai tài sản và đã nhận tiền bồi thường cây trồng với số tiền 6.781.875 đồng.

Vị trí diện tích đất ông Lê Văn T chỉ ranh để Công ty TNHH Tứ Th đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021 là không trùng vị trí thửa đất số 51 (đã được giao đất lâm nghiệp cho ông Lê Th1). Vị trí thửa đất thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021 trùng lên 04 thửa cụ thể: Một phần thửa số 48 theo bản trích đo năm 2011 của ông Phạm Ngọc S1; Một phần thửa số 95 của ông Phạm Ngọc S1; Một phần thửa số 49 của ông Lê Văn T2 và một phần của thửa số 94 của ông Lê Văn T2.

Phần diện tích 770m² theo Sổ Lâm bạ đã giao đất lâm nghiệp cho ông Lê Th1 thì đủ điều kiện lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định pháp luật.

Về phần diện tích đất ông Lê Văn T cho rằng gia đình ông khai hoang 300m² nằm phía Đông của thửa trích đo số 51 (đã giao cho ông Lê Th1) là thửa 92 theo bản trích đo là của ông Trần Ngọc M1. Ông M1 xây dựng nhà năm 1997 ở ổn định cho đến khi nhà nước thu hồi, bồi thường nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện này của ông Lê Văn T.

- Ông Lê Quốc D4, bà Hồ Thị Nh2, bà Lê Thị A1, bà Lê Thị Tím, bà Lê Thị D2, bà Lê Thị Ch1, bà Lê Thị D3, ông Lê Văn C1 và ông Lê Văn C2 cùng trình bày: Thống nhất nội dung ông Lê Văn T trình bày, không bổ sung gì thêm.

- Vợ chồng ông Trần Ngọc M1, bà Đinh Thị Nh1 trình bày: Vợ chồng ông, bà được bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện tiểu dự án 3, đất có nguồn gốc là đất của ông Trần Ch2 (cha ông M1) được nhà nước cấp sổ Lâm bạ, sau đó ông Ch2 cho vợ chồng ông M1 và vợ chồng ông M1 xây dựng nhà năm 1999. Diện tích đất có tứ cận: Phía Nam giáp đất bà Trần Thị L1, phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất trồng, phía Bắc giáp con đường đi rồi mới đến đất ông Văn Tấn C3. Diện tích đất này cách xa đất ông Lê Th1 (cha của ông Lê Văn T). Vợ chồng ông M1, bà Nh1 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Phạm Ngọc S1 trình bày: Ông Lê Th1 (cha ông Lê Văn T) được nhà nước giao đất Lô số 14 để trồng cây Dương, Điều, diện tích đất được thể hiện theo Sổ Lâm bạ, bản đồ và Quyết định giao đất năm 1995. Diện tích đất tọa lạc tại Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Còn lô đất của gia đình ông S1 là Lô số 17, không liên quan đến Lô đất số 14 của ông Lê Th1. Trước khi vô Hội làm vườn thì ông Lê Th1 có khai hoang, sau này vào Hội làm vườn thì diện tích đất được san ủi, chia đều cho 28 hộ dân ai cũng có diện tích đất như nhau để

làm vườn. Các hộ dân vào Hội làm vườn năm 1993 nhưng được cấp Sổ Lâm bạ, Quyết định giao đất năm 1995, ông S1 không tranh chấp gì với gia đình ông T.

- Ông Lê T2 (Lê Văn T2) trình bày: Ông Lê Th1 (cha ông T) được cấp Lô số 14, hộ ông T2 được giao Lô 16, hộ ông Phạm Ngọc S1 được giao Lô 17. Năm 2021, ông Lê Văn T không rõ vì lý do gì lại đến trồng trụ rào lưới dây thép và cho rằng đất của hộ gia đình ông T2 và ông S1 là đất đã cấp cho ông Lê Th1. Ông T2 không đồng ý yêu cầu này của ông Lê Văn T. Ông T2 xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Hạt Kiểm lâm thị xã Đông H trình bày: Trước năm 1999 việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình do cơ quan Kiểm lâm cấp huyện tham mưu cho UBND cùng cấp thực hiện (giao theo Nghị định 02/CP ngày 15/4/1994 của Chính phủ). Ngày 16/11/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 163/NĐ-CP về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp (thay thế Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1999) thì việc thực hiện giao, cho thuê đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân do cơ quan Địa chính (nay là cơ quan Tài nguyên và Môi trường) tham mưu giúp UBND cùng cấp làm thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (khoản 4 Điều 17 Nghị định 163). Toàn bộ hồ sơ liên quan đến cấp đất quản lý trước năm 1999 được bàn giao cho cơ quan Địa chính.

Người làm chứng:

+ Ông Lê Văn Th2 trình bày: Năm 1995, UBND huyện Tuy H (cũ) cấp đất cho 26 hộ dân trồng cây phi lao (cây dương) ở thôn Phú Th (nay là khu phố Phú Th 1) trong đó có hộ ông Lê Th1, diện tích được giao 770m², thời hạn sử dụng 50 năm, đã được cấp Sổ Lâm bạ. Ngoài ra, gia đình ông Lê Th1 còn khai hoang thêm diện tích 300m² có giới cận: Phía Tây giáp đất Pam của gia đình ông Th1 (đã được cấp Sổ Lâm bạ); phía Đông giáp đường hương lộ của khu phố (đường Sỏi của xóm); phía Nam và phía Bắc giáp đất của hộ dân nào ông Thành không rõ.

+ Ông Võ Hồng Th3 (nguyên Bí thư chi bộ thôn) trình bày: Năm 1993, có Dự án 327 giao đất cho hộ nông dân trồng cây phủ kín đồi trọc và sản xuất, kinh doanh. Ông Th3 là người kê 01 chiếc máy cày, cày tổng diện tích đất trên 26.700m², ông Võ Hồng Th3 thu một hộ dân 38.400 đồng để trả tiền cày nhưng không có giấy tờ. Ông Th3 là người trực tiếp chỉ vị trí đất cho các hộ dân sản xuất, diện tích đất của mỗi hộ rộng 12m, dài 107m (trong đó có 30 mét cát nhà ở, còn lại là đất trồng cây sản xuất, kinh doanh). Vị trí diện tích đất của ông Lê Th1 (cha của ông T) là Lô số 14, phía Nam giáp đất ông Văn Tấn C3, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T5, phía Đông giáp đường Sỏi, phía Tây giáp vườn Phân Hội 4 đất làm vườn của thôn Phú Hiệp 1. Trên lô đất ông Lê Văn T khởi kiện không có nhà ở, vật kiến trúc gì trên đất.

Đất của ông Trần Ch2 là Lô số 12 có diện tích dài 107 mét (trong đó 30 mét cát nhà ở, còn lại 77 mét trồng cây), rộng 10 mét. Ông Trần Ngọc Kháng và ông Trần Ngọc M1 (con ông Trần Ch2) cất nhà trên diện tích đất Lô số 12, không liên quan gì đến lô đất số 14 của ông Lê Th1 (cha ông T).

+ Ông Lê Đức T4 trình bày: Nguyên khu vực đất cát ven biển của khu phố Phú Th 1, phường Hòa Hiệp Tr tại thời điểm năm 1994 có 36 hộ khai hoang và đến năm 1995 thì được xem xét cấp sổ lâm bạ, có số thứ tự từ 01 đến 36. Hộ gia đình ông Lê Th1 (cha ông T) là Lô số 14, phía Bắc giáp Lô số 15 của ông Nguyễn Văn T5 (chết, có con trai là Nguyễn Văn Th4 đại diện), phía Nam giáp lô số 13 của ông Văn Tấn C3 (chết, có con trai là Văn Tấn Gi2 đại diện), phía Tây giáp đất giao thông và đất ông Dương Bình Q, phía Đông giáp đất trống rồi đến đường đất. Đối với phần đất trống phía Tây các hộ dân khai phá thêm diện tích 300m²/hộ để thuận tiện sử dụng. Tuy nhiên, ông không biết phần đất 300m² (phía Tây Lô 14 giao cho ông Lê Th1) thì lại cho vợ chồng Trần Ngọc M1, Đinh Thị Nh1 (con của ông Trần Ch2) và từ trước đến nay cũng không có ai tranh chấp, kiện tụng gì. Hiện nay ông Lê Văn T cho rằng đất giao cho ông Lê Th1 không phải Lô số 14 mà phải nằm trên phần đất Lô số 16 (cấp cho ông Lê Văn T2) và Lô số 17 (cấp cho hộ Phạm Ngọc S1) là không đúng thực tế. Từ nay về sau ông Lê Văn T4 xin vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính chính.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc UBND thị xã Đông H lập thủ tục bồi thường về đất diện tích 770m²; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về yêu cầu lập thủ tục bồi thường về đất diện tích 300m² do khai hoang và yêu cầu hủy Quyết định 1210/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H về trả lời đơn ông Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai người làm chứng, ý kiến của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền và Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Một số đương sự, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 157, Điều 158 và Điều 159 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H; Lập thủ tục thu hồi, bồi thường diện tích đất khai

hoang 300m² theo quy định pháp luật; Lập thủ tục bồi thường về đất đối với diện tích 770m² giao theo Sổ Lâm bạ và hủy các quyết định hành chính có liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2017, ông Lê Văn T khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Phú Yên. Tại phiên đối thoại UBND huyện Đông H thu hồi quyết định hành chính bị kiện để thực hiện trình tự thủ tục bồi thường về đất cho gia đình ông T theo quy định pháp luật, ông T rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 37/2018/QĐ-ĐC ngày 06/11/2018. Tuy nhiên, UBND thị xã Đông H vẫn không thực hiện lại thủ tục thu hồi, bồi thường về đất cho gia đình ông T nên ông T tiếp tục khiếu nại, được Chủ tịch UBND huyện Đông H (nay là thị xã Đông H) ban hành Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn T (BL 63-67). Không đồng ý việc giải quyết khiếu nại, ngày 13/7/2020 ông Lê Văn T làm đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu theo quy định khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu lập thủ tục bồi thường đất đối với diện tích 770m² được giao theo Quyết định giao đất và Sổ Lâm bạ: Xét thấy, hộ ông Lê Th1 được UBND huyện Tuy H giao đất để sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo Quyết định giao đất số 540/UB ngày 12/12/1995, diện tích 770m², thời hạn sử dụng đất 50 năm (tính từ ngày có quyết định giao đất), Biên bản giao nhận đất Lâm nghiệp số 860 ngày 12/12/1995 và Sổ Lâm bạ số 860 ngày 12/12/1995. Ngày 29/10/2012, UBND huyện Đông H ban hành Quyết định số 411/QĐ-UBND thu hồi 770m² đất, loại đất có rừng trồng phòng hộ (RPT) của hộ ông Lê Th1, thửa đất số 294, thuộc tờ bản đồ số 19-A, thửa trích đo số 51, tại xã Hòa Hiệp Tr, huyện Đông H. Xét, từ năm 1995 nhà nước giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình sản xuất đến năm 2012 thu hồi đất để thực hiện dự án thì UBND tỉnh, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật chưa ban hành văn bản, quyết định điều chỉnh hoặc thu hồi quyết định giao đất của hộ ông Lê Th1 nên quyết định giao đất nêu trên vẫn còn giá trị pháp lý. Theo khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường...*”; khoản 4 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*Trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất mà không có đất để bồi thường cho việc tiếp tục sản xuất thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền, người bị thu hồi đất còn được nhà nước hỗ trợ để ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi ngành nghề, bố trí việc làm mới*”; Theo khoản 2 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định điều kiện để được bồi thường đất “*Người bị nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường: Có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai*”.

Như vậy, hộ ông Lê Th1 có Quyết định giao đất lâm nghiệp của UBND huyện Tuy H, sử dụng đất liên tục và ổn định, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện được bồi thường về đất, ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bồi thường về đất là có cơ sở.

Xét thấy, những nội dung yêu cầu của người khởi kiện đều liên quan đến quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên căn cứ Điều 8 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử cần phải xem xét giải quyết đối với các quyết định này.

Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của UBND huyện Đông H về việc thu hồi diện tích đất 770m² loại đất RPT, thửa số 294, thuộc tờ bản đồ số 19 - A của hộ ông Lê Th1, là xác định không đúng loại đất khi tiến hành thu hồi.

Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND huyện Đông H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Qua xem xét Bảng tổng hợp giá trị về đất đai, khối lượng, vật kiến trúc và các loại tài sản khác được bồi thường, hỗ trợ ngày 18/8/2011 và trình bày của UBND thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H không lập thủ tục bồi thường về đất cho hộ ông Lê Th1.

Xét Văn bản số 679/UBND-TTr ngày 05/02/2021 của UBND thị xã Đông H trình bày xác định diện tích đất 770m², thửa số 294, thuộc tờ bản đồ số 19 - A của hộ ông Lê Th1 nằm trong danh sách các hộ dân có quyết định giao đất lâm nghiệp của UBND huyện Tuy H (cũ), do đó đủ điều kiện được bồi thường về loại đất rừng sản xuất. UBND thị xã Đông H có văn bản gửi UBND tỉnh Phú Yên và các Sở ngành liên quan đề nghị cho phép bồi thường loại đất rừng sản xuất cho các hộ dân. Ngày 31/10/2017, UBND tỉnh Phú Yên có Văn bản số 5960/UBND-NC về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến giải quyết vướng mắc BTHT và TĐC Dự án Khu tái định cư phục vụ Tiểu dự án 3, cho phép UBND thị xã Đông H bồi thường theo Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Ngày 06/9/2018, UBND thị xã Đông H cam kết điều chỉnh các quyết định thu hồi đất và lập điều chỉnh lại phương án BTHT và TĐC cho các hộ dân này theo đúng quy định. Tuy nhiên, đến nay UBND thị xã Đông H chưa tiến hành thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất và lập điều chỉnh lại phương án BTHT và TĐC cho hộ ông Lê Th1 (do ông Lê Văn T đại diện). Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ ông Lê Th1 (do ông Lê Văn T đại diện) cần hủy Quyết định thu hồi đất và hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến hộ ông Lê Th1 (do ông Lê Văn T đại diện) để UBND thị xã Đông H thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi bồi thường về đất và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Lê Th1 theo đúng quy định pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu lập thủ tục thu hồi, bồi thường diện tích 300m² đất khai hoang: Theo Tờ khai về việc kê khai đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và tài sản khác do ông Lê Văn T khai vào ngày 25/7/2011 không thể hiện diện tích đất đai; Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc S1 “...sau khi vào Hội làm vườn thì diện tích đất được san ủi, chia đều cho các hộ dân ai cũng có diện tích đất 770m²”, ông Lê Văn T2 “Ông Lê Th1 được cấp Lô số 14,

hộ ông T2 được giao Lô 16, hộ ông Phạm Ngọc S1 được giao Lô 17... Năm 2021, ông Lê Văn T không rõ vì lý do gì lại đến trồng trụ rào lưới dây thép và cho rằng đất của hộ gia đình ông T2 và ông S1 là đất đã cấp cho ông Lê Th1”; Người làm chứng ông Võ Hồng Th3 trình bày “... ông Th3 là người trực tiếp chỉ vị trí đất cho các hộ dân sản xuất... Vị trí diện tích đất của ông Lê Th1 là Lô số 14...”; ông Lê Văn Th2 trình bày “...hộ ông Lê Th1 khai hoang 300m² nhưng giới cận phần diện tích đất này ông Thành không biết rõ...”; ông Lê Văn T4 trình bày “...phần đất các hộ dân khai phá thêm 300m² nhưng không biết vị trí đất ở đâu...”. Mặt khác, theo tài liệu do Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên cung cấp thì vị trí thửa đất ông T chỉ dẫn và xác định tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021 có diện tích 975m² thì trước năm 2007 được quy hoạch rừng phòng hộ, trong khi đó người làm chứng không biết vị trí diện tích đất gia đình ông T khai hoang. Trong quá trình tố tụng ông Lê Văn T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên ông Lê Văn T yêu cầu UBND thị xã Đông H thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất 300m² khai hoang là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu hủy Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn T và các quyết định hành chính có liên quan đến phần diện tích đất ông T yêu cầu lập thủ tục thu hồi, bồi thường:

[4.1] Về hình thức: Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn T không đúng hình thức theo Điều 31 Luật khiếu nại.

[4.2] Về nội dung: Ông Lê Văn T yêu cầu UBND thị xã Đông H thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường đối với diện tích 300m² đất khai hoang, Chủ tịch UBND huyện Đông H không chấp nhận là có căn cứ nên ông T yêu cầu hủy Văn bản 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H là không có cơ sở.

[5] Xét UBND thị trấn Hòa Hiệp Tr (nay là phường Hòa Hiệp Tr) ban hành Văn bản số 206/UBND ngày 12/8/2019 và Văn bản 214/UBND ngày 21/8/2019 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại: Khu phố Phú Th 1, thị trấn Hòa Hiệp Tr. Trong quá trình tố tụng người khởi kiện không khởi kiện quyết định này nhưng căn cứ Khoản 1 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính “*Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, ... quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan*” thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét Văn bản này. Xét thấy, UBND phường Hòa Hiệp Tr ban hành Văn bản trả lời đơn khiếu nại nêu trên là không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Điều 18, 27, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại nên cần phải hủy văn bản này mới giải quyết toàn diện vụ án.

[6] Với các căn cứ được viện dẫn nêu trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

[7] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy

định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 193; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1, khoản 4, Điều 42 Luật đất đai năm 2003; các Điều 18, 27, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định 581/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND huyện Đông H (nay là thị xã Đông H) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình Khu tái định cư phục vụ tiểu Dự án 3- đường từ Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 đến Bắc cầu Đà N thuộc dự án hạ tầng đô thị Nam thành phố Tuy H-Vũng R, địa điểm xã Hòa Hiệp Tr, huyện Đông H (đợt 1) (phần của hộ ông Lê Th1 do ông Lê Văn T đại diện).

- Hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của UBND huyện Đông H về việc thu hồi diện tích của hộ ông Lê Th1 để thực hiện tiểu dự án: Khu tái định cư phục vụ Tiểu dự án 3 – Đường từ Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 đến Bắc cầu Đà N thuộc dự án hạ tầng đô thị Nam thành phố Tuy H – Vũng R.

- Hủy Văn bản số 206/UBND ngày 12/8/2019 và Văn bản 214/UBND ngày 21/8/2019 của UBND thị trấn Hòa Hiệp Tr (nay là phường Hòa Hiệp Tr, thị xã Đông H) về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại: Khu phố Phú Th 1, thị trấn Hòa Hiệp Tr.

- Buộc UBND thị xã Đông H thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường về đất và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Lê Th1 (do ông Lê Văn T đại diện) theo đúng quy định pháp luật.

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về các yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 1210/UBND-TTPTQĐ ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông H (nay là thị xã Đông H) trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn T.

- Buộc UBND thị xã Đông H thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường về đất diện tích đất 300m² do hộ ông Lê Th1 khai hoang.

Vì không có căn cứ.

Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006614 ngày 21/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (Bút lục 47).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 358, Điều 359 Luật tố tụng hành chính. Ủy ban nhân dân thị xã Đông H và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông Lê Văn T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên Ủy ban nhân dân thị xã Đông H và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Quy